TÒA ÁN ND HUYỆN LỤC NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH BẮC GIANG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST	
Ngày: 28-5-2019	
V/v: "Ly hôn giữa chị L và anh L"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đặng Văn Bảo.**

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Nguyễn Tiến Chỉnh;

2. Bà Nguyễn Thị Hoan;

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Vi Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 538/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018. Về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1983 "có mặt";

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện L, Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1981 "vắng mặt";

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện L, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2018 và các lời khai, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Văn L ngày 13/9/2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L. Trước khi kết hôn chị và anh L có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của

địa phương. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình anh L. Quá trình chung sống vợ chồng có hòa thuận, hạnh phúc thuận, hạnh phúc, đến năm 2017 vợ chồng xẩy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh L hay chửi đánh chị. Mặt khác anh L không chịu làm ăn, chơi bời và đã bị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử. Khoảng tháng 6 năm 2017 do chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh L được, nên chị đã về bố mẹ đẻ chị ở tại thôn Quỷnh Cả, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với nhau kể từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn với anh Lê Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có con chung Lê Thị Lan Anh, sinh ngày 04/01/2006; Lê Thị Trang, sinh ngày 18/11/2017. Hiện các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường đang ở cùng chị L. Nay ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh L góp cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH YOUNGBO VINA khu Công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Giang, thu nhập bình quân là 5.000.000đ/ tháng, chị đảm bảo nuôi dạy con tốt về mọi mặt.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị vẫn giữ nguyên các yêu cầu trên.

Tại biên bản tự khai đề ngày 23/01/2018, ngày 30/01/2018 và bị đơn anh Lê Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Phạm Thị L trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng anh cho rằng vợ anh tự ý làm mọi việc mà không hỏi ý kiến anh. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có con chung Lê Thị Lan A, sinh ngày 04/01/2006; Lê Thị T, sinh ngày 18/11/2017. Hiện các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng chị L. Nay ly hôn, anh không đồng ý để chị L nuôi con.

Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Văn L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và HĐXX thực hiện đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 12, Điều 24, Điều 27

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Lê Văn L

Về con chung: Giao chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lê Thị Lan A, sinh ngày 04/01/2006; Lê Thị T, sinh ngày 18/11/2017. Sau khi ly hôn anh Lê Văn L được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Về các vấn đề khác: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Lục Nam đã tiến hành tống đạt giấy triệu tập phiên tòa lần 2 hợp lệ cho anh Lê Văn L, nhưng anh L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy quyền lợi của anh L đã được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị L và anh Lê Văn L đăng ký kết hôn ngày13/9/2004, tại UBND xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, việc kết hôn giữa chị L, anh L là tự nguyện, có tìm hiểu là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau tại gia đình anh L. Đến tháng 6 năm 2017 vợ chồng chị L, anh L xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, chị L về bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị L xin ly hôn, anh L không đồng ý. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của chị L tại phiên tòa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh L đã trầm trọng , kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị L được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng chị L, anh L có hai con chung Lê Thị Lan A, sinh ngày 04/01/2006; Lê Thị T, sinh ngày 18/11/2017. Chị L xin nuôi con chung, không yêu cầu anh L góp cấp dưỡng nuôi con chung, anh L không đồng ý để chị L nuôi con chung. HĐXX nhận thấy cháu Lê Thị Lan A có nguyện vọng ở cùng chị L, còn cháu Lê Thị T dưới 36 tháng tuổi, bên cạnh đó trong thời gian vợ chồng ly thân, con chung do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh L trước và sau khi chấp hành xong bản án về địa phương không có nghề nghiệp. Mặt khác chị L có

công việc, thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện cho các con phát triển toàn diện. Do vậy, cần giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh L được quyền thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản*: Chị L, anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Phạm Thị L thuộc diện hộ cận nghèo nên không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 12, Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lê Thị Lan A, sinh ngày 04/01/2006; Lê Thị T, sinh ngày 18/11/2017. Sau khi ly hôn anh Lê Văn L được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả chị Phạm Thị L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003588 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện Lục Nam;
-THADS huyện Lục Nam;
-UBND xã Nghĩa Phương;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Bảo